

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST  
Ngày: 18-11-2021  
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Ngọc Lan.

Ông Đoàn Kiếm Quang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông D (K), sinh năm 1944;

Địa chỉ: Nhật Bản;

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1976 (theo Giấy ủy quyền ngày 25/5/2020) (có mặt);

Địa chỉ: Đường T, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH V;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông S, sinh năm 1966 – Chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc (vắng mặt);

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2019, bản tự khai ngày 14/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông D (K), có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Ngày 06/9/2017, ông D (K) có cho Công ty TNHH V vay số tiền là 4.000 USD, việc cho vay được chuyển qua ngân hàng (có Phiếu hạch toán). Khi cho vay, hai bên không lập hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng là thời gian vay 06 tháng, không lãi suất.

Ngày 08/4/2019, ông D (K) và Công ty TNHH V đã xác nhận số tiền còn nợ tính đến hết ngày 31/12/2018 là 4.000 USD (có Thư xác nhận ngày 08/4/2019).

Ông D (K) đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH V trả số tiền còn nợ trên nhưng cho đến nay Công ty TNHH V cũng không trả.

Công ty TNHH V còn nợ ông D (K) số tiền là 4.000 USD, quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỉ giá ngày 25/6/2020 của Ngân hàng N bán ra là 23.310 đồng/USD = 93.240.000 (chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Khi cho vay, hai bên không thỏa thuận lãi suất cho vay nên ông D (K) không yêu cầu tính lãi suất đối với Công ty TNHH V.

Nay ông D (K) yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH V phải trả cho ông số tiền 4.000 USD (bốn nghìn Dollars Mỹ), tương đương với số tiền Việt Nam là 93.240.000 (chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH V (có đại diện theo pháp luật là ông S) đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình hòa giải, xét xử; cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông D (K), không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Ông D khởi kiện cung cấp chứng cứ là Phiếu hạch toán của Ngân hàng Shinhan ngày 06/9/2017, Thư xác nhận ngày 08/4/2019 thể hiện Công ty TNHH V có nợ 4.000 USD. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông D là có cơ sở, đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông D, buộc Công ty TNHH V có nghĩa vụ trả cho ông D 4.000 USD tương ứng với số tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông D (K) yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH V phải trả cho ông số tiền 4.000 USD (bốn nghìn Dollars Mỹ), tương đương với số tiền Việt Nam là 93.240.000 (chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Hình thức và nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn ông D (K) đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên ông D (K) có quốc tịch Hàn Quốc; hiện đang cư trú tại Nhật Bản; theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Bị đơn Công ty TNHH V đã được Tòa án tổng đạt Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH V là có căn cứ đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung: Nguyên đơn ông D (K) yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH V phải trả cho ông số tiền 4.000 USD (bốn nghìn Dollars Mỹ), tương đương với số tiền Việt Nam là 93.240.000 (chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Căn cứ vào Phiếu hạch toán của Ngân hàng Shinhan ngày 06/9/2017, ông D (K) có chuyển cho bên thụ thưởng là Công ty TNHH V số tiền 4.000 USD, Thư xác nhận ngày 08/4/2019 đã xác nhận Công ty TNHH V còn nợ ông D (K) số tiền (tính đến hết ngày 31/12/2018) 4.000 USD. Tòa án thụ lý vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng là tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; trong các thông báo của Tòa án nêu rõ ông D (K) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH V phải trả cho ông số tiền 4.000 USD (bốn nghìn Dollars Mỹ), tương đương với số tiền Việt Nam là 93.240.000 (chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng và các tài liệu chứng cứ kèm theo là Phiếu hạch toán của Ngân hàng Shinhan ngày 06/9/2017, Thư xác nhận ngày 08/4/2019. Nhưng từ khi thụ lý đến khi xét xử, Công ty TNHH V không có ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu khởi kiện của ông D (K) và các chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện. Như vậy, Công ty TNHH V mặc nhiên thừa nhận mình có nợ ông D (K) tính đến hết ngày 31/12/2018 là 4.000 USD theo đúng yêu cầu khởi kiện của ông D (K). Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Hợp đồng vay tài sản là số ngoại tệ 4.000 USD giữa ông D (K) có quốc tịch Hàn Quốc với Công ty TNHH V là hợp pháp, hai bên được phép giao dịch với nhau bằng ngoại tệ. Hợp đồng vay tài sản giữa ông D (K) với Công ty TNHH V không có kỳ hạn, khi có yêu cầu trả nợ ông D (K) đã có yêu cầu nhiều lần, nhưng Công ty TNHH V không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay tài sản, trả đủ số ngoại tệ đã vay khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông D (K) yêu cầu Công ty TNHH V trả lại 4.000 USD (bốn nghìn Dollars Mỹ), tương đương với tỷ giá Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tỷ giá USD tại thời điểm xét xử sơ thẩm theo niêm yết của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 01 USD = 22.650 đồng, vậy số tiền Công ty TNHH V phải trả cho ông D (K) là 4.000 USD x 22.650 đồng = 90.600.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Công ty TNHH V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 463, 469, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 26, 35, 37, 92, 147, 189, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D (K).

Buộc Công ty TNHH V trả cho ông D (K) số tiền 4.000 USD x 22.650 đồng = 90.600.000 (chín mươi triệu sáu trăm nghìn) đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí: Công ty TNHH V phải chịu 4.530.000 (bốn triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại ông D (K) số tiền 2.300.000 (hai triệu ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0001597 ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Ngọc Tuyên**